

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường;

Ông Lê Quang Chính.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn
- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hải Thị T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: Ông Quảng Minh V, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần S
– Chi nhánh Ninh Thuận (vắng mặt)

Địa chỉ: Số a đường T, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hải Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà với ông Quảng Minh V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2008, có đến Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2009.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Quảng Minh V thường xuyên có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác, khi bà bắt gặp thì ông V năn nỉ bà bỏ qua, vì con chung bà cố gắng chịu đựng tha thứ cho ông V. Nhưng ông V vẫn không chịu sửa đổi mà tiếp tục quan hệ với người phụ nữ khác, khi bà nói thì ông V chửi mắng đánh đập bà và hiện ông V đang sống với người phụ nữ khác. Bà với ông V đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau.

Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Quảng Minh V, nên yêu cầu được ly hôn với ông Quảng Minh V.

Về con chung: Bà với ông Quảng Minh V chung sống với nhau có 01 con chung tên Quảng Hải Ngọc H, sinh ngày 22-8-2009, hiện con chung đang sống với bà, nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Quảng Minh V cấp dưỡng.

Hiện tại bà đang làm nông, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà với ông V chung sống với nhau có khoản nợ gồm: Vào năm 2018 bà với ông Quảng Minh V có cùng nhau vay của Ngân hàng S số tiền 130.000.000đ, lãi suất thì bà không biết, thời hạn vay là 12 tháng, nhưng lúc đó giữa bà với ông V đang mâu thuẫn, vì vậy ông V bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thôn Như Bình, xã P1 sống chỉ một mình bà làm và trả nợ Ngân hàng tiền lãi hàng tháng, nên không có thể trả tiền gốc cho Ngân hàng, vì vậy đến năm 2019 và 2020 thì bà với ông V có làm hợp đồng đáo hạn lại với Ngân hàng. Cho đến nay bà với ông V còn nợ của Ngân hàng số tiền 80.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi bà không biết. Bà yêu cầu đòi số nợ trên cho ông Quảng Minh V và bà yêu cầu ông Quảng Minh V phải trả lại cho bà số tiền 50.000.000đ tiền gốc mà bà đã trả thay cho ông V trả cho Ngân hàng trước đó. Nhưng nay bà rút lại yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung, để bà với ông Quảng Minh V tự thỏa thuận với nhau.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Quảng Minh V vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng:*

** Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận trình bày: Ngày 22-9-2020 bà Hải Thị T và ông Quảng Minh V có ký hợp đồng thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: LD1826700471-02, số tiền vay 130.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng.*

Giấy nhận nợ số LD2026800498 ký ngày 24-9-2020, lãi suất cho vay 10% áp dụng trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng (tính lãi cuối kỳ) cộng biên độ 3.5%/năm và được Ngân hàng tự động điều chỉnh 3 tháng/lần.

Nghĩa vụ tính đến ngày 21-4-2022 là 80.229.445đ (Trong đó nợ gốc là: 70.000.000đ, lãi trong hạn 929.158đ, lãi quá hạn là 9.300.287đ).

Vào tháng 03-2022 bà Hải Thị T đã trả 50.000.000đ tiền gốc;

Vào tháng 04-2022 bà Hải Thị T đã trả 10.000.000đ tiền gốc;

Qua làm việc với bà Hải Thị T và gia đình bà T vào ngày 04-3-2022 đã thống nhất phương án trả nợ, vì vậy Ngân hàng không tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trường hợp bà Hải Thị T và gia đình không thực hiện đúng theo cam kết thì Ngân hàng sẽ khởi kiện riêng một vụ án khác.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử được viết tắt là HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hải Thị T. Cho bà Hải Thị T được ly hôn với ông Quảng Minh V, giao con chung tên Quảng Hải Ngọc Hạ, sinh ngày 22-8-2009 cho bà Hải Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Quảng Minh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đình chỉ một phần khởi kiện về yêu cầu chia nợ chung. Buộc bà Hải Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án, HĐXX xác định: Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn hiện đang cư trú tại khu phố 12, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay ông Quảng Minh V và Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông Quảng Minh V và Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa xác định được bà Hải Thị T và ông Quảng Minh V kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 13-02-2009. Do đó, hôn nhân giữa bà Hải Thị T và ông Quảng Minh V là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Hải Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Quảng Minh V, vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Quảng Minh V. Đối với bị đơn ông Quảng Minh V dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ, các văn bản tố tụng nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến. Bị đơn ông Quảng Minh V vắng mặt xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện ly hôn và lời khai của bà Hải Thị T là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hải Thị T và ông Quảng Minh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết, hiện đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hải Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Bà Hải Thị T trình bày bà với ông Quảng Minh V sống với nhau có con chung tên Quảng Hải Ngọc Hạ, sinh ngày 22-8-2009, hiện con chung đang sống với bà Hải Thị T. Bà Hải Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Hải Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Hải Thị T là người trực tiếp chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay chu đáo, con chung phát triển bình thường và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung đã trên 07 tuổi, nguyện vọng được ở với mẹ, nên phải tôn trọng nguyện vọng của con chung, vì vậy giao con chung tên Quảng Hải Ngọc H, sinh ngày 22-8-2009 cho bà Hải Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Quảng Minh V không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Hải Thị T không yêu cầu, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3]. Về tài sản: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.4]. Về nợ chung: Bà Hải Thị T trình bày, bà với ông Quảng Minh V chung sống với nhau có khoản nợ chung là, vào năm 2018 bà với ông Quảng Minh V có cùng nhau vay của Ngân hàng S số tiền 130.000.000đ, lãi suất không biết, thời hạn vay là 12 tháng, nhưng lúc đó giữa bà T với ông V đang mâu thuẫn, vì vậy ông V bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thôn Như Bình, xã P1 sống chỉ một mình bà T làm và trả nợ Ngân hàng tiền lãi hàng tháng, nên không thể trả tiền gốc cho Ngân hàng, vì vậy đến năm 2019 và 2020 thì bà T với ông V có làm hợp đồng đáo hạn lại với Ngân hàng. Cho đến nay bà T với ông V còn nợ của Ngân hàng số tiền 80.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi không biết. Bà T yêu cầu chia đôi số nợ trên cho ông Quảng Minh V với bà. Bà T yêu cầu ông Quảng Minh V phải trả lại cho bà số tiền 50.000.000đ tiền gốc mà bà T đã trả thay ông V cho Ngân hàng trước đó. Nhưng vào ngày 28-4-2022 và tại phiên tòa hôm nay bà T rút lại yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung, mà để bà với ông Quảng Minh V tự thỏa thuận với nhau.

Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận vào ngày 21-4-2022 có công văn trả lời về việc bà Hải Thị T, ông Quảng Minh V có ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: LD1826700471-02 vào ngày 22-9-2020, vay số tiền 130.000.000đ, lãi suất là 10% áp dụng trong 03 tháng đầu, lãi suất các kỳ tiếp theo bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng (tính lãi cuối kỳ) cộng biên độ 3.5%/năm và được Ngân hàng tự động điều chỉnh 3 tháng/lần. Tính đến ngày 21-4-2022 thì bà Hải Thị T và Quảng Minh V còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận tổng số tiền là 80.229.445đ (Trong đó nợ gốc là 70.000.000đ, lãi trọng hạn là 929.158đ, lãi quá hạn là 9.300.287đ), nhưng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Ninh Thuận và bà Hải Thị T đã thỏa thuận thống nhất phương án trả nợ, vì vậy Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Ninh Thuận không yêu cầu bà T, ông V trả nợ trong vụ án này và không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Xét thấy vào ngày 28-4-2022 và tại phiên tòa hôm nay bà Hải Thị T rút lại yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung, mà để bà với ông Quảng Minh V tự thỏa thuận với nhau và Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận cũng không có ý kiến gì về phần nợ của bà Hải Thị T và ông Quảng Minh V. HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần khởi kiện của bà Hải Thị T đối với phần nợ chung. Bà Hải Thị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại về phần nợ chung.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Hải Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Hải Thị T số tiền 3.466.000 đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con” của nguyên đơn bà Hải Thị T. Bà Hải Thị T được ly hôn với ông Quảng Minh V.

2. Về con chung: Giao con chung Quảng Hải Ngọc H, sinh ngày 22-8-2009 cho bà Hải Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. (Hiện con chung đang sống với bà Hải Thị T).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ một phần khởi kiện của bà Hải Thị T đối với phần nợ chung. Bà Hải Thị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại về phần nợ chung.

4. Về án phí: Bà Hải Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.766.000 đồng tạm ứng án phí Tòa án bà Hải Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002391 ngày 07-3-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn trả lại cho bà Hải Thị T 3.466.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND TT.P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn T Bình

